TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 16/2020/ QĐST- DS

B, ngày 17 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 và điểm d tiểu lục 1.4 mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H(MSB)

Địa chỉ: Số 54A đường Nguyễn Chí T , phường L , quận Đ, Tp Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L1- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hồng T - Chức vụ: Chuyên viên Phòng XLN KHCN

Bị đơn: Chị Bùi Thị H1- sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn Đồng K , xã Thành T1, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Đức V - sinh 1962

Địa chỉ: Thôn Đồng K , xã T1, huyện T2, Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Bùi Thị H1- sinh năm 1974(vợ anh V)

Địa chỉ: Thôn Đồng K, xã T1, huyện T2, tỉnh Thanh Hóa (theo giấy ủy quyền ngày 22/10/2020)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vợ chồng chị Bùi Thị H1, anh Phạm Đức V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP H số tiền 170.906.379đ, trong đó, nợ gốc: 93.328.795đ, nợ lãi trong

hạn: 65.836.966đ, nợ lãi quá hạn: 12.740.636đ (tính đến ngày 03/11/2020). Ngân hàng đồng ý cho vợ chồng chị Ho1, anh V trả nợ thành 4 đợt:

+ Đợt 1: Ngày 30/11/2020, chị Hòa, anh Việt thanh toán số tiền gốc 20.000.000đ

+ Đợt 2: Ngày 19/12/2020, chị Hòa, anh Việt thanh toán số tiền gốc 6.000.000đ

+ Đợt 3: Ngày 19/01/2021, chị Hòa, anh Việt thanh toán số tiền gốc 6.000.000đ

+ Đợt 4: Ngày 19/02/2021, chị Hòa, anh Việt thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc + lãi là 139.906.397đ.

Chị Bùi Thị H1 và anh Phạm Đức V tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc còn lại (theo mức lãi suất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay kiêm khế ước nhận nợ số: 441/2016/HĐCV ngày 04/11/2016) kể từ ngày 04/11/2020 cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Về án phí: Hai bên thỏa thuận chị Bùi Thị H1, anh Phạm Đức V chịu 4.272.659đ (bốn triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền 4.397.000đ (bốn triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng), ông Đặng Hồng T- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án thị xã B theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0007061 ngày 12/10/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc L1